

Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2017

Số: 54/QĐ-THPT.THĐTX

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai cam kết chất lượng giáo dục, công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông, Công khai thông tin cơ sở vật chất, công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ QL, nhân viên năm học 2017-2018

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT TRẦN HƯNG ĐẠO- THANH XUÂN

Căn cứ Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ giáo dục về việc Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.

Căn cứ vào tình hình thực tế về chất lượng giáo dục, về cơ sở vật chất, về đội ngũ nhà giáo, cán bộ QL, nhân viên năm học 2017-2018 của trường THPT Trần Hưng Đạo – Thanh Xuân.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công khai cam kết chất lượng giáo dục phổ thông, năm học 2017-2018 của trường THPT Trần Hưng Đạo- Thanh Xuân;

Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông, năm học 2017-2018 của trường THPT Trần Hưng Đạo- Thanh Xuân;

Công khai thông tin cơ sở vật chất năm học 2017-2018 của trường THPT Trần Hưng Đạo- Thanh Xuân;

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên năm học 2017-2018 của trường THPT Trần Hưng Đạo- Thanh Xuân.

Điều 2 : Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Phòng kế toán-Tài vụ Trường THPT Trần Hưng Đạo- Thanh Xuân, các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (để theo dõi);
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
THPT
TRẦN HƯNG ĐẠO
THANH XUÂN
Phạm Thị Tâm

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục phổ thông,
năm học 2018 - 2019

ST T	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	23	0.89 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	23	0.89
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	6	0.27
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	2	0.05
7	Bình quân lớp/phòng học		1.52
8	Bình quân học sinh/lớp		44
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	25.629	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	4.600	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1620	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	420	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	90	
3	Diện tích thư viện (m ²)	120	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	600	
5	Diện tích phòng khác (...)(m ²)	3430	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Khối lớp 10	14	1.1
2	Khối lớp 11	14	1.1
3	Khối lớp 12	14	1.3
4	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)		-
5			
VII I	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	60	25,6 học sinh/bộ

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	Số lượng	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	5	
2	Cát xét	9	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	10	
5	Thiết bị khác...		
..			

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*					
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	2		2		0.08

(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Hà Nội ngày 24 tháng 01 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

TRẦN HƯNG ĐO
THÀNH XÃ
Phạm Thị Tâm

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông, năm học 2018-2019

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Lớp ...
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1398	480	494	424	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	81.3	80	81	83	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	16.7	17	17	16	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	2	3	2	1	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)					
II	Số học sinh chia theo học lực	1398	480	494	424	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	14.3	13	14	16	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	48	47	47	50	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	36.7	38	37.5	33	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	1.5	2	1.5	1	
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)					
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	98	98	98.5	99	
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	14.3	13	14	16	
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	48	47	47	50	
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	1.5	2	1.5	1	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0.06	0.2	0	0	
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	0.26/ 0.1	0.6/ 3	0.2/ 0	0	
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0.06	0.2	0	0	
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp tỉnh/thành phố				10	
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp				424	



VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp				424	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				2.5	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				10.5	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)				87	
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)				55	
VII I	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)				35	
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	686/ 712	240/ 240	240/ 254	206/ 218	
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	14	2	4	8	

Hà Nội ngày 24 tháng 01 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Tâm



THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục phổ thông, năm học 2018-2019**

STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			Tuyển dụng trước ND 116 và tuyển dụng theo ND 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo ND 68)	TS	ThS	ĐH	CĐ	TC CN	Dưới TCCN	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	88	83	5							
I	Giáo viên	75	75			29	50				
Trong đó số giáo viên dạy môn:											
1	Toán	11	11			5	6				
2	Lý	7	7			5	2				
3	Hóa	8	8			5	3				
4	Sinh	5	5			2	3				
5	KT CN	3	3				3				
6	KT NN	1	1				1				
7	Tin học	3	3			3					
8	Ngữ Văn	11	11			4	7				
9	Sử	4	4			4					
10	Địa	3	3				2				
11	GD CD	3	3				3				
12	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	9	9			1	8				
13	Thể dục	5	5				5				
14	GDQP	2	2				2				
II	CB quản lý	4	4			3	1				
1	Hiệu trưởng	1	1			1					
2	Phó hiệu trưởng	3	3			2	1				
III	Nhân viên	9	4	5		0	2	1	2	4	
1	NV văn thư	1		1					1		
2	NV kế toán	1	1				1				
3	Thủ quỹ										
4	NV y tế	1	1						1		
5	NV thư viện	1	1					1			
6	NV khác	5	1	4			1			4	

Hà Nội ngày 24 tháng 01 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Tâm

05

Biểu mẫu Ba công khai

(Kèm theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ GD&ĐT)
Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp).
(Tên cơ sở giáo dục)

THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông
năm học 2018 - 2019**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 11	...
I	Điều kiện tuyển sinh	Điểm tuyển sinh Nguyên vọng 1: 47đ	Hạnh kiểm : Tốt Học lực : Khá	Hạnh kiểm : Tốt Học lực : Khá	
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ	Lớp 10 Ban Cơ bản	Lớp 11 Ban Cơ bản	Lớp 12 Ban Cơ bản	
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Thường xuyên Nghiêm túc	Thường xuyên Nghiêm túc	Thường xuyên Nghiêm túc	
IV	Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ học sinh (như các loại phòng phục vụ học tập, thiết bị dạy học, tin học ...)	Đạt chuẩn Quốc gia	Đạt chuẩn Quốc gia	Đạt chuẩn Quốc gia	
V	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	-Sinh hoạt chuyên đề -Hoạt động của Đoàn Thanh niên -Hoạt động tham quan	-Sinh hoạt chuyên đề -Hoạt động của Đoàn Thanh niên -Hoạt động tham quan	-Sinh hoạt chuyên đề -Hoạt động của Đoàn Thanh niên -Hoạt động tham quan	
VI	Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục	- Đạt chuẩn - Phân cấp quản lý	- Đạt chuẩn - Phân cấp quản lý	- Đạt chuẩn - Phân cấp quản lý	
VII	Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	-Xếp loại HK Khá-Tốt : 97.00 % -Xếp loại HL Giỏi-Khá: 60% -Sức khỏe Tốt : 95%	- Xếp loại HK Khá - Tốt: 97.50 % - Xếp loại HL Giỏi-Khá : 61.00 % - Sức khỏe Tốt : 95%	- Xếp loại HK Khá-Tốt : 99% - Xếp loại HL Giỏi-Khá : 66% - Sức khỏe Tốt : 95%	



VIII	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	100%	100%	100%	
------	--	------	------	------	--

Hà Nội ngày 24 tháng 01 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Tâm

